TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 161/2025/DS-PT
Ngày 11-12-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Giang

Các Thẩm phán: Ông Bùi Duy Thạch

Bà Bùi Thị Thu Hằng

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Hoàng Thị Hồng Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 146/2025/TLPT-DS ngày 13 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 08/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 174/2025/QĐ-PT ngày 07 tháng 11 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 180/2025/QĐ-PT ngày 25 tháng 11 năm 2025 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên toà số 09/TB-TA ngày 03 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (V1); trụ sở: Số H L, phường L, quận Đ (nay là phường Đ), thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (V1): Ông Nguyễn Văn T - Chuyên viên xử lý nợ; có mặt.

Người kế thừa một phần quyền nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (V1): Công ty Cổ phần M; trụ sở: Tầng A, tòa nhà C, số B phố T, phường Y, quận C (nay là phường C), thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo uỷ quyền của người kế thừa một phần quyền nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn Công ty Cổ phần M: Ông Vũ Văn H - Chuyên viên xử lý nợ; có mặt.

- Bị đơn: Ông Ngô Văn L, sinh năm 1987 và bà Nguyễn Thị Thu T1, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn A, xã L, thành phố T (nay là xã V), thành phố Hải Phòng; đều vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Ngô Văn L và bà Nguyễn Thị Thu T1: Ông Ngô Văn D, Luật sư Văn phòng L1 - Đoàn Luật sư thành phố H; vắng mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Ngô Văn L, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn A, xã L, thành phố T (nay là xã V), thành phố Hải Phòng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (V1) và người kế thừa một phần quyền nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn Công ty Cổ phần M thống nhất trình bày:*

Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (V1) có cho ông Ngô Văn L, bà Nguyễn Thị Thu T1 vay tiền theo các hợp đồng tín dụng sau: Hợp đồng cho vay số LN 2303148625828 ngày 16/3/2023, số tiền vay 1.082.000.000 đồng thời hạn vay là 96 tháng, mục đích vay thanh toán tiền mua ô tô. Hợp đồng cho vay số LN 2310090497793 ngày 16/10/2023, số tiền vay là 238.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay để mua sắm đồ dùng gia đình. Ngoài ra, các hợp đồng trên còn quy định về lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất cho vay quá hạn. Để đảm bảo cho khoản vay, ông Ngô Văn L, bà Nguyễn Thị Thu T1 đã ký hợp đồng thế chấp tài sản cho Ngân hàng vào ngày 16/3/2023 và ngày 16/10/2023. Tài sản thế chấp là 01 Xe ô tô nhãn hiệu FORD, Everest T 2022, 2.0L, AT, 4x2, Biển số đăng ký: 15K-101.02, có số khung: MNCRXXMA WRPC87709, số máy: POWSRPC87709, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe cấp 16/3/2023 cho chủ sử dụng ông Ngô Văn L. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông L và bà T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 15/7/2024, Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông L và bà T1 trả nợ nhưng không thực hiện. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông L và bà T1 trả toàn bộ số nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng.

Ngày 28/3/2025, Ngân hàng đã bán một phần khoản nợ của ông Ngô Văn L, bà Nguyễn Thị Thu T1 cho Công ty Cổ phần M như sau: Ngân hàng bán cho Công ty Cổ phần M 95% khoản nợ phát sinh của ông Ngô Văn L, bà Nguyễn Thị Thu T1 theo các hợp đồng tín dụng. Ngân hàng và Công ty Cổ phần M yêu cầu ông Ngô Văn L, bà Nguyễn Thị Thu T1 phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 08/7/2025, cụ thể như sau:

Trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền nợ gốc là 55.608.388 đồng, nợ lãi trong hạn là 605.676 đồng, nợ lãi quá hạn là 11.430.399 đồng, phạt chậm trả lãi là 111.153 đồng. Tổng cộng: 67.755.616 đồng.

Trả cho Công ty Cổ phần M số tiền nợ gốc: 1.056.559.378 đồng, nợ lãi trong hạn là 11.507.840 đồng, lãi quá hạn: 217.177.573 đồng, phạt chậm trả lãi là

2.111.911 đồng. Tổng cộng: 1.287.356.702 đồng.

Trong trường hợp ông L, bà T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và Công ty CP M có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp tài sản ngày 16/3/2023 và ngày 16/10/2023. Trường hợp số tiền thu được từ phát mại tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông L, bà T1 phải có nghĩa vụ trả cho đến khi hết khoản nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký.

** Tại biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Ngô Văn L, bà Nguyễn Thị Thu T1 thống nhất trình bày:*

Ông Ngô Văn L, bà Nguyễn Thị Thu T1 có vay tiền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (V1) theo các hợp đồng tín dụng như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng. Số tiền trên ông L, bà T1 vay hộ cho anh trai ông L là ông Ngô Văn D. Mục đích vay để mua xe ô tô cho ông D sử dụng làm phương tiện đi lại, chiếc xe ô tô mua được đăng ký tên ông Ngô Văn L. Để đảm bảo cho khoản vay, ông L, bà T1 đã ký hợp đồng thế chấp chiếc xe ô tô nhãn hiệu FORD, Everest Titanium 2022, 2.0L, AT, 4x2, Biển số đăng ký: 15K-101.02, có số khung: MNCRXXMA WRPC87709, số máy: POWSRPC87709 cho Ngân hàng. Ông L bà T1 đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Với nội dung như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 08/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (V1); buộc bị đơn ông Ngô Văn L bà Nguyễn Thị Thu T1 phải trả nợ như sau:

- Trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V theo Hợp đồng cho vay số LN 2303148625828 ngày 16/3/2023, Hợp đồng cho vay số LN 2310090497793 ngày 16/10/2023 số tiền tính đến ngày 08/7/2025 là 67.755.616 đồng (trong đó nợ gốc là 55.608.388 đồng, nợ lãi trong hạn là 605.676 đồng, nợ lãi quá hạn là 11.430.399 đồng, phạt chậm trả lãi là 111.153 đồng).

- Trả cho Công ty Cổ phần M theo Hợp đồng cho vay số LN 2303148625828 ngày 16/3/2023, Hợp đồng cho vay số LN 2310090497793 ngày 16/10/2023 số tiền tính đến ngày 08/7/2025 là 1.287.356.702 đồng (trong đó nợ gốc: 1.056.559.378 đồng, nợ lãi trong hạn là 11.507.840 đồng, lãi quá hạn: 217.177.573 đồng, phạt chậm trả lãi là 2.111.911 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng

vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng và Công ty Cổ phần M theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp ông Ngô Văn L, bà Nguyễn Thị Thu T1 không trả được nợ, Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và Công ty Cổ phần M có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản đã thế chấp để thực hiện nghĩa vụ bảo đảm đã cam kết theo Hợp đồng thế chấp số LN 2303148625828 ngày 16/3/2023 và hợp đồng thế chấp số LN 2310090497793 ngày 16/10/2023. Tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu FORD, Everest Titanium 2022, 2.0L, AT, 4x2, Biển số đăng ký: 15K-101.02, có số khung: MNCRXXMA WRPC87709, số máy: POWSRPC87709. Trường hợp phát mại tài sản trên nhưng chưa đủ để thu hồi nợ thì bị đơn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và Công ty Cổ phần M. Trường hợp phát mại tài sản để thu hồi nợ còn thừa thì trả lại cho bên thế chấp.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo đối với các đương sự.

* Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn là ông Ngô Văn L kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết lại toàn bộ nội dung vụ án theo hướng huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại giai đoạn phúc thẩm, bị đơn ông Ngô Văn L không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ gì mới.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm đối với kháng cáo của bị đơn ông Ngô Văn L:

Xét thấy bị đơn kháng cáo không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ gì mới tại giai đoạn phúc thẩm. Bản án dân sự sơ thẩm xét xử hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Ngô Văn L; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng.

Về án phí: Bị đơn ông Ngô Văn L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm**.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn có mục đích vay tiền thanh toán tiền mua xe ô tô nên được xác định là tranh chấp dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vụ án có kháng cáo nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng theo điểm b khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Xét kháng cáo của bị đơn ông Ngô Văn L:

[2] Về hiệu lực của Hợp đồng mua, bán nợ: Hợp đồng mua, bán nợ số 09/2025/VPB-JUPITER ngày 28/3/2025 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (V1) và Công ty Cổ phần M được ký trên cơ sở tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện: Các hợp đồng tín dụng được ký giữa nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (V1) và bị đơn ông Ngô Văn L, bà Nguyễn Thị Thu T1 được ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Ông L bà T1 trình bày số tiền trên là vay hộ cho ông Ngô Văn D (là anh trai ông L) nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Quá trình thực hiện hợp đồng ông L, bà T1 đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền nợ gốc và lãi theo đúng cam kết trong hợp đồng tín dụng là vi phạm nghĩa vụ của mình theo hợp đồng mà hai bên đã ký kết. Ngày 28/3/2025, Ngân hàng Thương mại Cổ phần V đã bán một phần khoản nợ của ông L, bà T1 cho Công ty Cổ phần M. Theo Hợp đồng mua bán nợ số 09/2025/VPB-JUPITER giữa V1 và J kèm theo phụ lục hợp đồng thì Công ty Cổ phần M mua 95% khoản nợ của ông L, bà T1 theo các hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng. Tính đến ngày 08/7/2025 ông L, bà T1 còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 55.608.388 đồng, nợ lãi trong hạn là 605.676 đồng, nợ lãi quá hạn là 11.430.399 đồng, phạt chậm trả lãi là 111.153 đồng; tổng cộng: 67.755.616 đồng. Nợ Công ty Cổ phần M số tiền nợ gốc: 1.056.559.378 đồng, nợ lãi trong hạn là 11.507.840 đồng, lãi quá hạn: 217.177.573 đồng, phạt chậm trả lãi là 2.111.911 đồng; tổng cộng: 1.287.356.702 đồng. Ngân hàng và Công ty Cổ phần M yêu cầu ông L, bà T1 phải trả toàn bộ số nợ trên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về xử lý tài sản bảo đảm: Hợp đồng thế chấp số LN 2303148625828 ngày 16/3/2023 và hợp đồng thế chấp số LN 2310090497793 ngày 16/10/2023 được ký

kết đúng quy định của pháp luật; Tại thời điểm ký kết hợp đồng thế chấp tài sản giữa các bên đã được ký kết trên cơ sở tự nguyện, tự định đoạt, thỏa thuận, mục đích và nội dung thỏa thuận phù hợp với đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật. Hợp đồng thế chấp đã được chứng thực của cơ quan công chứng và đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật dân sự và Nghị định của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và đăng ký giao dịch bảo đảm. Vì vậy, hợp đồng thế chấp tài sản là hợp pháp và có hiệu lực thực hiện. Nguyên đơn, người kế thừa quyền nghĩa vụ của nguyên đơn đề nghị phát mại tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp bị đơn không trả được nợ là có căn cứ, hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

[5] Sau khi xét xử sơ thẩm, do không đồng ý với nội dung của bản án sơ thẩm đã tuyên nên bị đơn ông Ngô Văn L kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết lại toàn bộ nội dung vụ án theo hướng huỷ toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng.

Tại giai đoạn phúc thẩm, bị đơn ông Ngô Văn L không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ gì mới để làm căn cứ xem xét nội dung kháng cáo. Vì vậy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Ngô Văn L. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Ngô Văn L; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 08/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn ông Ngô Văn L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 148, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273; khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 317, 318, 319, 463, 465, 466 Bộ luật Dân sự 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Ngô Văn L; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ

phần V; buộc bị đơn ông Ngô Văn L bà Nguyễn Thị Thu T1 phải trả nợ như sau:

- Trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V theo Hợp đồng cho vay số LN 2303148625828 ngày 16-3-2023, Hợp đồng cho vay số LN 2310090497793 ngày 16-10-2023 số tiền tính đến ngày 08-7-2025 là 67.755.616 đồng (trong đó nợ gốc là 55.608.388 đồng, nợ lãi trong hạn là 605.676 đồng, nợ lãi quá hạn là 11.430.399 đồng, phạt chậm trả lãi là 111.153 đồng).

- Trả cho Công ty Cổ phần M theo Hợp đồng cho vay số LN 2303148625828 ngày 16-3-2023, Hợp đồng cho vay số LN 2310090497793 ngày 16-10-2023 số tiền tính đến ngày 08-7-2025 là 1.287.356.702 đồng (trong đó nợ gốc: 1.056.559.378 đồng, nợ lãi trong hạn là 11.507.840 đồng, lãi quá hạn: 217.177.573 đồng, phạt chậm trả lãi là 2.111.911 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và Công ty Cổ phần M theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp ông Ngô Văn L, bà Nguyễn Thị Thu T1 không trả được nợ, Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và Công ty Cổ phần M có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản đã thế chấp để thực hiện nghĩa vụ bảo đảm đã cam kết theo Hợp đồng thế chấp số LN 2303148625828 ngày 16/3/2023 và Hợp đồng thế chấp số LN 2310090497793 ngày 16/10/2023. Tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu FORD, Everest Titanium 2022, 2.0L, AT, 4x2, Biển số đăng ký: 15K-101.02, có số khung: MNCRXXMA WRPC87709, số máy: POWSRPC87709. Trường hợp phát mại tài sản trên nhưng chưa đủ để thu hồi nợ thì bị đơn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng và Công ty Cổ phần M. Trường hợp phát mại tài sản để thu hồi nợ còn thừa thì trả lại cho bên thế chấp.

2. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Ngô Văn L, bà Nguyễn Thị Thu T1 phải chịu 52.653.400 đồng tiền án dân sự sơ thẩm. Trả lại nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền tạm ứng án phí là 23.400.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án, phí lệ phí Toà án số 0010254 ngày 16 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuỷ Nguyên (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Hải Phòng).

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Ngô Văn L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Ông L đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án, lệ phí Toà án số 0000850 ngày 11/8/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Ông L đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND khu vực 1 - Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 1 - Hải Phòng ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Giang